

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 549/2019/HC-PT

Ngày: 12-6-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phụng

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thanh Hương

Ông Tôn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 3, ngày 11, 18 tháng 4, ngày 16 tháng 5 và ngày
12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử
phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 27/2018/TLPT-HC ngày 31
tháng 8 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính số 02/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của
Tòa án nhân dân Quận 3 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 909/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng
02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số
1649/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa
số 2266/2019/QĐPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2019, Quyết định tạm ngừng
phiên tòa số 2543/2019/QĐPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 3351/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các
đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1934

Địa chỉ: Số 997A/1 đường H, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị T: Bà Lê Thị Thu T, sinh
năm 1966

Địa chỉ: Số 997A/1 đường H, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Ngọc B – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Ngọc B.

Địa chỉ: Số 185 đường V, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 456 đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Hoàng P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B.

3. *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị T - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Bùi Thị T có bà Lê Thị Thu T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên căn nhà 237/86B Trần Văn Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Bùi Thị T mua bằng giấy tay từ năm 1985 trong đó có bao gồm cả phần diện tích bị buộc tháo dỡ theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản riêng của bà T vì chồng bà T (là ông Lê Viết H đã chết vào năm 2017) có Giấy xác nhận tài sản riêng của bà T.

Như vậy, phần diện tích bị buộc tháo dỡ là thuộc sở hữu của bà T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà T tháo dỡ là không đúng nên đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017.

Tại các văn bản trình bày và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện có ông Lý Trọng H đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Căn cứ vào kết quả họp tổ dân phố, lời khai của cảnh sát khu vực, Bản đồ địa chính thửa đất số 13, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính Phường M, Quận B và Trích lục bản vẽ sơ đồ nhà đất của bà T thì phần diện tích bị buộc tháo dỡ theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 thuộc đất lấn chiếm hẻm không có trong hồ sơ thửa đất. Vì vậy, việc bà T xây dựng công trình trên đất bị lấn chiếm là vi phạm về trật tự xây dựng tại địa phương. Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận B, tuyên xử:

Không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị T yêu cầu Tòa án về việc hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, Quận B.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/6/2018, người khởi kiện bà Bùi Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa đúng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

* Người khởi kiện bà Bùi Thị T có bà Lê Thị Thu T là người đại diện hợp pháp và Luật sư ông Trần Ngọc B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, vì gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Cụ thể:

Văn bản số 209/UBND ngày 07/9/2012 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận B có nội dung xác minh thời điểm chiếm dụng hẻm và cầu thang của bà T. Ủy ban nhân dân phường M đề xuất Ủy ban nhân dân Quận B tạm thời cho phép hộ bà T được duy trì phần diện tích lấn chiếm và phải tiến hành tháo dỡ vô điều kiện khi tiến hành cải tạo sửa chữa nhà hoặc khi Nhà nước tiến hành duy tu hẻm, đồng thời không công nhận quyền sử dụng cho hộ bà T đối với phần đất lấn chiếm.

Theo Biên nhận hồ sơ Đăng ký sửa chữa xây dựng, cải tạo công trình số 29/2015/BN ngày 04/5/2015 đối với nhà số 237/86B Trần Văn Đ, phường M, Quận B đã đăng ký sửa chữa thay cột gỗ thành cột sắt, xây vách tường riêng tiếp giáp với nhà 237/146 Trần Văn Đ, Phường M, Quận B.

Như vậy các văn bản, tài liệu này thể hiện bà T sử dụng phần diện tích đất bị cưỡng chế tháo dỡ từ trước năm 2004 và Ủy ban nhân dân Phường M đã cho phép bà T xây dựng trên phần đất này. Đồng thời, Ủy ban nhân dân Phường M đã đề xuất Ủy ban nhân dân Quận B tạm thời cho phép bà T được duy trì phần diện tích này lấn chiếm này. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ Ủy ban nhân dân Quận B đã có văn bản trả lời đối với đề xuất của Ủy ban nhân dân, Phường M, Quận B.

Tại Văn bản số 108/PC-TCD ngày 30/11/2017 của Ban tiếp công dân – Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân Quận B, thể hiện nội dung Ban tiếp công dân Quận B nhận đơn của bà Bùi Thị T kiến nghị xin xem xét và cho ngưng thi hành Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, Quận B.

Bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu miễn án phí ngày 10/4/2019 vì lý do bà T là người cao tuổi.

* *Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M có ông Nguyễn Trần Hoàng P là người đại diện hợp pháp trình bày:* theo Bản đồ địa chính thửa đất số 13, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính Phường M, Quận B và Trích lục bản vẽ sơ đồ nhà đất của bà T thì phần diện tích bị buộc tháo dỡ theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 thuộc đất lấn chiếm hẻm không có trong hồ sơ thửa đất. Vì vậy, việc bà T xây dựng công trình trên đất lấn chiếm là vi phạm về trật tự xây dựng tại địa phương đề nghị bác kháng cáo của bà Bùi Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị T:

Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà T còn trong thời hạn quy định tại Điều 204, Điều 206 Luật tố tụng hành chính. Nội dung đơn kháng cáo phù hợp quy định tại Điều 205 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo:

Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T về hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B là không có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm bà T có đơn xin miễn án phí do bà T là người cao tuổi (85 tuổi), xét yêu cầu này là phù hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bởi lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị T về án phí.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận B về phần án phí, giữ nguyên các nội dung khác theo quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Đại diện người khởi kiện bà Bùi Thị T cho rằng bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa đúng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận B, hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, Quận B, vì cấp sơ thẩm tiến hành các trình tự tố tụng chưa đúng.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

Căn cứ Điều 17 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về trình tự, thủ tục lập biên bản và thời hạn ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị là đúng theo quy định tại Điều 4, Điều 24 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007, điểm a Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ Xây dựng.

[2.3] Về nội dung Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017:

Theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với bà Bùi Thị T như sau:

‘Nay cưỡng chế phá dỡ đối với:

Công trình vi phạm trật tự xây dựng tại số 237/86B đường Trần Văn Đ, Phường M, Quận B Thành phố Hồ Chí Minh...

Lý do: xây dựng công trình nhà ở đô thị không có giấy phép trên phần diện tích không được phép xây dựng (đất lấn chiếm hẻm không có trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất), một (01) phần căn nhà tại số 237/86B (giáp ranh với nhà 237/146) đường Trần Văn Đ, Phường M Quận B trái quy định pháp luật, quy định tại Điểm a, Khoản 7, Điều 13 của Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở, cụ thể:

+ Diện tích: $[(1,1m + 2,1m)/2 \times (10,33m + 10,54m)/2] = 16,70 m^2$.

Xét thấy vị trí nhà đất của bà Bùi Thị T đang quản lý sử dụng có vị trí tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính Phường M, Quận B, nhà số 237/86B (số cũ 237/148) Trần Văn Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu. Theo trích lục bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở ngày 21/5/2013 do Công ty TNHH Thiết kế - Kiến trúc Xây dựng – Thương mại Dịch vụ Kiến Việt thực hiện đã được kiểm tra nội nghiệp ngày 24/05/2013; Văn bản số 781/TNMT ngày 19/7/2018 và Văn bản 539/QLĐT ngày 17/5/2019 của Phòng Quản lý đô thị Quận B có nội dung cung cấp Trích đoạn Bản đồ giải thửa lập năm 1963 và Trích đoạn bản đồ quy hoạch hẻm Phường M, Quận B năm 2008 thể hiện phần diện tích bị cưỡng chế tháo dỡ tại nhà 237/86B (số cũ 237/148) Trần Văn Đ, Phường M, Quận B theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B là phần diện tích đất lấn chiếm hẻm, không có trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 13, tờ bản đồ số 7, Bản đồ địa chính Phường M, Quận B và không được công nhận. Như vậy việc bà T xây dựng công trình nhà ở trên phần diện tích lấn chiếm hẻm $[(1,1m + 2,1m)/2 \times (10,33m + 10,54m)/2] = 16,70 m^2$ là

hành vi trái pháp luật quy định tại điểm a, Khoản 7, Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ.

Từ nhận định trên xét thấy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B đã được ban hành đúng quy định pháp luật.

Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và Luật sư Trần Ngọc B yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét các văn bản gồm: Văn bản số 209/UBND ngày 07/9/2012 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B; Biên nhận hồ sơ Đăng ký sửa chữa xây dựng, cải tạo công trình số 29/2015/BN ngày 04/5/2015 và Văn bản số 108/PC-TCD ngày 30/11/2017 của Ban tiếp công dân – Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân Quận B. Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung Văn bản số 209/UBND ngày 07/9/2012 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận B xác nhận bà T sử dụng phần diện tích đất bị cưỡng chế tháo dỡ từ trước năm 2004, có nguồn gốc là lòng kênh Nhiêu Lộc, sử dụng làm lối đi cho các hộ dân đi ra kênh Nhiêu Lộc đổ rác. Ủy ban nhân dân Phường M chỉ tạm thời đề xuất với Ủy ban nhân dân Quận B cho bà T được duy trì phần diện tích bị buộc tháo dỡ, không có nội dung chấp nhận cho bà T được duy trì phần diện tích bị buộc tháo dỡ. Về Biên nhận hồ sơ Đăng ký sửa chữa xây dựng, cải tạo công trình số 29/2015/BN ngày 04/5/2015 chỉ thể hiện là bước nộp hồ sơ, không thể hiện Ủy ban nhân dân Phường M cho phép bà T xây dựng, tài liệu này không phải là giấy phép xây dựng, không có giá trị pháp lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ việc có văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân Quận B đối với đề xuất của Ủy ban nhân dân phường M Quận B là có cơ sở. Đối với Văn bản số 108/PC-TCD ngày 30/11/2017 của Ban tiếp công dân – Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân Quận B, Hội đồng xét xử nhận thấy văn bản này là văn bản nội bộ không phải là quyết định hành chính, nên không xem xét.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác đơn khởi kiện của bà T là có căn cứ, kháng cáo của bà T đề nghị tuyên hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B và hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện có bổ sung đơn yêu cầu miễn án phí ngày 10/4/2019 vì bà T là người cao tuổi và trình bày do không hiểu biết pháp luật nên tại cấp sơ thẩm không yêu cầu xét miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này có căn cứ chấp nhận nên sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: do đương sự kháng cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị T, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Bùi Thị T được miễn án phí. Hoàn lại cho Bà Bùi Thị T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0019976 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Bùi Thị T được miễn án phí. Hoàn lại cho Bà Bùi Thị T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0020837 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Phụng